



xī dé

西德

proper noun · West Germany (historical)

Example Sentences

xī dé hòu lái yǔ dōng dé tǒng yī
西德后来与东德统一。

West Germany later unified with East Germany.

tā céng zài xī dé liú xué
他曾在西德留学。

He once studied abroad in West Germany.

Trace each character, then write the word on your own.

西	西	西	西	西	西	西	西	西		
德	德	德	德	德	德	德	德	德	德	德
德	德	德	德	德	德	德				